TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PHỔ YÊN** **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 30/7/2024
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỔ YÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Âu Văn Hồ

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hồng Hải

2. Bà Nguyễn Thị Thanh

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Thị Hương Giang - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Kim Cúc - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2024 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 218/2023/TLST- HNGĐ, ngày 23 tháng 10 năm 2023 về việc "L*y hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2024/QĐXX-ST ngày 03 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Hồ Kiếm T, sinh năm 1957 (Có đơn xin vắng mặt)

Bị đơn: Bà Lê Thị M, sinh năm 1958 (Vắng mặt)

Đều địa chỉ: xóm ĐB, xã PT, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên.

DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết nguyên đơn ông Hồ Kiếm T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và bà Lê Thị M đăng ký kết hôn năm 1979 tại UBND xã Phúc Thuận, huyện Phổ Yên (nay là thành phố Phổ Yên), tỉnh Thái Nguyên. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc. Hiện nay, giấy chứng nhận kết hôn đã bị thất lạc nên không thể cung cấp cho Tòa án được.

Quá trình chung sống, thời gian đầu hạnh phúc, sau đó quan hệ vợ chồng rạn nứt do vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, đã sống ly thân hơn 20 năm, đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay ông xác định vợ chồng không còn tình cảm

và không hạnh phúc, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ông `được ly hôn với bà Lê Thị M.

- Về con chung: Có 04 người con chung là Hồ Thị Bính (sinh năm 1980), Hồ Kiếm Hùng (sinh năm 1982); Hồ Thị Nga (sinh năm 1984); Hồ Kiếm Trung (sinh năm 1986), nay các con đã trưởng thành và xây dựng gia đình, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Ông T tự nguyện nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

* *Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết bị đơn bà Lê Thị M trình bày*: Bà xác nhận thông tin về thời gian kết hôn, đăng ký kết hôn như ông T trình bày là đúng. Quá trình chung sống có phát sinh mâu thuẫn và sống bất đồng quan điểm nhưng vẫn có thể hàn gắn, đoàn tụ nên bà không nhất trí ly hôn.

- Về con chung: Có 04 người con chung cháu là Hồ Thị Bính (sinh năm 1980), Hồ Kiếm Hùng (sinh năm 1982); Hồ Thị Nga (sinh năm 1984); Hồ Kiếm Trung (sinh năm 1986), nay các con đã trưởng thành và xây dựng gia đình, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Phần tranh luận tại phiên tòa:**

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt nên không tranh luận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phổ Yên tham gia tố tụng tại phiên tòa phát biểu: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật; Xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách đương sự, việc thu thập chứng cứ đảm bảo cho việc giải quyết vụ án.

Đối với người tham gia tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án các đương sự và người tham gia tố tụng khác đã thực hiện đúng và đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn nhưng đã được tống đạt hợp lệ, căn cứ vào Điều 70, Điều 72 và Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, tòa án tiến hành xét xử vụ án.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi khởi kiện của ông Hồ Kiếm T, cho ông Hồ Kiếm T được ly hôn bà Lê Thị M.

- Về con chung: Đã trưởng thành nên không xem xét, giải quyết.

- Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Ông Hồ Kiếm T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về tố tụng:** Nguyên đơn ông Hồ Kiếm T khởi kiện xin ly hôn với bị đơn là bà Lê Thị M. Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại xóm Đầm Ban, xã Phúc Thuận, thành phố Phổ Yên, tỉnh T Nguyên. Căn cứ theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, đây là quan hệ tranh chấp "Ly hôn" thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

[2] **Về nội dung:**

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Hồ Kiếm T khởi kiện xin ly hôn với bà Lê Thị M, trước khi kết hôn ông bà có tìm hiểu, hôn nhân là do tự nguyện, có làm đám cưới theo phong tục tập quán địa phương và đăng ký kết hôn năm 1979 tại xã Phúc Thuận, huyện Phổ Yên (nay là thành phố Phổ Yên), tỉnh Thái Nguyên, nhưng hiện nay giấy tờ đã bị thất lạc nên không cung cấp cho Tòa án được. Tòa án đã tiến hành xác minh và thu thập chứng cứ tại Ủy ban nhân dân xã Phúc Thuận nhưng do sổ đăng ký kết hôn từ năm 1995 trở về trước không còn lưu trữ. Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào điểm a mục 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 quy định: *"Trong trường hợp vợ chồng được xác lập trước ngày 03 tháng 01 năm 1987, ngày Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực pháp luật mà chưa đăng ký kết hôn thì được khuyến khích đăng ký kết hôn; trong trường hợp có yêu cầu ly hôn thì được Tòa án thụ lý giải quyết theo quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000".* Do đó, xác nhận quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà M là hôn nhân thực tế hợp pháp.

Quá trình chung sống vợ chồng: Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, mâu thuẫn đến đỉnh điểm đã sống ly thân hơn 20 năm, đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay ông xác định vợ chồng không còn tình cảm và không hạnh phúc, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Lê Thị M. Xét thấy, nền tảng cơ bản của hôn nhân là sự yêu thương tự nguyện của cả hai vợ chồng, nhưng đến nay đã không còn nữa, vợ chồng không còn lòng tin đối với nhau, không còn quan tâm chăm sóc nhau, vợ chồng ly thân đã lâu không còn khả năng đoàn tụ, mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm trọng không thể hàn gắn nên yêu cầu xin ly hôn của ông T được Hội đồng xét xử chấp nhận. Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, giải quyết cho ông Hồ Kiếm T ly hôn với bà Lê Thị M.

Đối với bà M quá trình giải quyết vụ án bà M có nguyện vọng mong muốn vợ chồng về đoàn tụ, bà không nhất trí ly hôn, Hội đồng xét xử xét thấy nền tảng cơ bản của hôn nhân là sự yêu thương tự nguyện của cả hai vợ chồng, nhưng đến nay đã không còn nữa, vợ chồng không còn lòng tin đối với nhau, không còn quan tâm chăm sóc nhau, vợ chồng ly thân đã lâu không còn khả năng đoàn tụ, mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm trọng không thể hàn gắn. Do vậy không chấp yêu cầu của bà M; Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, giải quyết cho ông Hồ Kiếm T ly hôn với bà Lê Thị M, Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với bà M nhưng bà M vẫn không có mặt. Do vậy Hội đồng xét căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt đối với bà M.

- Về con chung: Có 04 người con chung là Hồ Thị Bính (sinh năm 1980), Hồ Kiếm Hùng (sinh năm 1982), Hồ Thị Nga (sinh năm 1984), Hồ Kiếm Trung (sinh năm 1986) nay các con đã trưởng thành và xây dựng gia đình, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. **Về tài sản chung, nợ chung**: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. **Về án phí**: Ông Hồ Kiếm T phải chịu án phí ly hôn 300.000. đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo quy định tại Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[5] Về quyền kháng cáo: Ông T và bà M được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Xét đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, 147, 271, 273, 278, 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51, 53, 56, Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông Hồ Kiếm T. Ông Hồ Kiếm T được ly hôn với bà Lê Thị M.

[2]. Về con chung: Có 04 người con chung là Hồ Thị B (sinh năm 1980), Hồ Kiếm H (sinh năm 1982), Hồ Thị N (sinh năm 1984), Hồ Kiếm T1 (sinh năm 1986). Các con đều đã đủ tuổi trưởng thành và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3]. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu, Hội đồng

xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. Về án phí: Ông Hồ Kiếm T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nộp vào ngân sách nhà nước, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001321 ngày 23 tháng 10 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

[5]. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc niêm yết Bản án theo quy định./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ Tọa phiên toà

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh TN;
- VKSND TP Phổ Yên;
- Chi cục THATP Phổ Yên;
- UBND xã Phúc Thuận;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Âu Văn Hồ